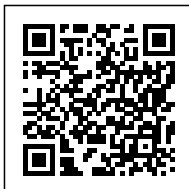


## LỤC TỔ HUỆ NĂNG



## LỤC TỔ HUỆ NĂNG



Do giáo phái của **Huệ Năng** không lập văn tự, kiến tính tức ngộ tức thân thành Phật, cho nên được giới sĩ phu, văn nhân hoan nghênh, lại thêm đệ tử của ngài hết sức đề cao, khiến Nam tông Thiền mà **Huệ Năng** làm đại biểu trở thành chính thống của Thiền tông Trung Hoa

Tác giả: **Nguyễn Đại Đồng**

**Huệ Năng** còn gọi là Tuệ Năng, sinh năm 638, họ Lư. Tổ tiên người Phạm Dương. Cha tên Hành Thao, niên hiệu Vũ Đức làm quan bị giáng tới Tân Châu, thuộc Nam Hải và định cư ở đây. Ông mồ côi cha từ năm 3 tuổi. Mẹ giữ tiết nuôi nấng đến lớn khôn thì nhà càng nghèo túng, phải làm nghề đốn củi nuôi mẹ. Một hôm nhân gánh củi đi đến chợ, nghe một người tụng đọc kinh Kim Cương bèn hỏi người ấy biết được chỗ sở đắc, liền quyết định từ biệt mẹ đến thẳng núi Hoàng Mai (Đông Sơn), Kì Châu (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc) yết kiến Ngũ tổ Hoàng Nhẫn. Ngũ tổ biết ông là người khác thường, bèn sai ông vào nhà ngang giã gạo, và gọi ông là Lư hành giả.

Được tám tháng (có sách viết sáu tháng), Ngũ tổ biết lúc truyền phó chính pháp đã đến, bèn bảo đồ chúng mỗi người viết một bài kệ đặc pháp. Lúc ấy, trong hội có hơn 700 sư tăng. Có Đại đệ tử của Ngũ tổ là Thượng tọa Thần Tú là người uyên bác, học thông nội ngoại giáo điển, mọi người rất ngưỡng phục. Họ đều bảo nhau: “*Nếu không suy tôn Thượng tọa Tú thì trong bọn ta ai dám đảm đương*”.

Thần Tú thắm nghe lời khen thì không cần suy nghĩ chi lâu, liền viết lên vách hành lang một bài kệ rằng:

*Thân thị Bồ đề thụ,*

*Tâm như minh kính đài.  
Thời thời cần phất thức,  
Mạc sử nhạ trần ai.*

Nghĩa là:

*Thân là cây Bồ đề,  
Tâm là đài gương sáng,  
Thường xuyên lau sạch bóng,  
Đừng để bụi bám vào.*

Lư hành giả nghe xong nói: “Theo chỗ sở đắc của tôi, thì không phải như vậy”. Nhưng cho rằng, mình còn ít tuổi, không tiện đối đáp ngay bèn đợi đến đêm Lư ngâm bảo một chú tiểu dẫn tới chỗ bức tường hành lang, Lư cầm đuốc, nhờ chú tiểu viết giùm một bài kệ cạnh bên bài kệ của Thần Tú:

*Bồ đề bản vô thụ,  
Minh kính diệc phi đài.  
Bản lai vô nhất vật,  
Hà xứ nhạ trần ai.*

Nghĩa là:

*Cây Bồ đề chẳng có,  
Đài gương sáng cũng không,  
Bản lai không một vật,  
Bám vào đâu bụi trần.*

Ngũ tổ đọc thấy kệ, nói: Kệ này ai làm đây, mà cũng chưa thấy được tính. Đồ chúng nghe thấy nói nên cũng không màng tới bài kệ nữa.

Đến đêm, Ngũ tổ sai người đến nhà giã gạo, triệu hành giả vào thất bảo trao pháp bảo cùng áo cà sa cho.

Lư hành giả quỳ xuống nhận lãnh y và pháp, bẫm:

- Pháp, con đã nhận, còn y sẽ trao cho ai?

Tổ nói:

- Xưa, lúc đầu Tổ Đạt Ma đến đây, vì chưa ai tin nên phải truyền y làm biểu minh đắc pháp. Nay tín tâm mọi người đã muôi, chiếc y sẽ là đầu mối tranh giành. Vậy nên đến ông thì dừng lại, không truyền nữa. Ông nên đi xa ẩn lánh, đợi thời cơ mà hành đạo, bởi lẽ người nhận y, mạng như tơ mảnh.

- Bạch Thầy, con nên ẩn ở đâu?

- Gặp Hoài thì dừng, gặp Hội thì ẩn.

**Huệ Năng** đỉnh lễ chân Tổ xong, mang y đi khỏi. Ngay đêm ấy, ông đi xa về phương Nam, mọi người không ai hay biết.



Năm Bính Tý, ngày 6 tháng Giêng, niên hiệu Nghi Phụng nguyên niên (tức hơn 10 năm sau) **Huệ Năng** đến Nam Hải gặp Pháp sư Ấn Tông tại chùa Pháp Tính và được Pháp sư thế độ cho xuất gia.

Đến ngày 8 tháng 2, Trí Quang luật sư ở chùa Pháp Tính đứng ra làm lễ thụ Cụ túc giới cho **Huệ Năng**.

Sang năm, vào ngày 8 tháng 2, **Tổ Huệ Năng** nói cùng môn nhân:

- Ta không định lưu tại đây mà muốn trở về nơi ẩn khi xưa.

Ấn Tông bèn cùng hơn ngàn người cả tăng lẫn tục làm lễ tiễn đưa **Huệ Năng** về chùa Bảo Lâm, Tào Khê, truyền thuyết pháp yếu chứ không truyền y bát, hình thành một phái Nam tông Thiền tông.

Do giáo phái của **Huệ Năng** không lập văn tự, kiến tính tức ngộ tức thân thành Phật, cho nên được giới sĩ phu, văn nhân hoan nghênh, lại thêm đệ tử của ngài hết sức đề cao, khiến Nam tông Thiền mà Huệ Năng làm đại biểu trở thành chính thống của Thiền tông Trung Hoa. **Huệ Năng** từng nhận lời mời của Thứ sử bản châu (Thiếu Châu) là Vi Cứ đến thuyết giảng Phật pháp tại chùa Đại Phạm trong thành, lời giảng được đệ tử là Pháp Hải v.v... ghi lại thành bộ Đàn kinh (còn gọi là Pháp bảo Đàn kinh hay Lục tổ Đàn kinh), được đời sau lưu truyền. Theo D.T. Suzuki thì "Kinh Pháp Bảo Đàn xứng đáng là một công trình vĩ đại vì đã định hướng cho tư tưởng Phật giáo trong nhiều thế kỷ tại Trung Hoa". Nếu muốn tu hành Thiền tông cho có căn

bản thì cần thấu triệt những lời chỉ dạy trong cuốn kinh đó.

Sau đó, Lục tổ trở về Tào Khê, thuyết giảng đại pháp. Học giả thường không dưới ngàn người.

**Lục tổ Huệ Năng** thị tịch ngày 3 tháng 8 năm Nhâm Tuất (713) năm Khai Nguyên thứ mười đời Đường Huyền Tông, thọ 76 tuổi, tại chùa Quốc Ân ở Tân Châu.

Ngày 13 tháng 11, mọi người cùng đưa Tổ đến nhập tháp tại Tào Khê (nay là chùa Nam Hoa, có sách viết là chùa Kim Hoa). Năm Nguyên Hòa 10, sư được vua Đường Hiến Tông ban thụy là Đại Giám Thiền sư, Tháp hiệu Nguyên Hòa Linh Chiếu.

Thiền tông Trung Hoa truyền thừa y bát được sáu đời. Trong đó hai vị Tổ có ảnh hưởng nhất là Tổ Bồ Đề Đạt Ma và **Lục tổ Huệ Năng**. Bồ Đề Đạt Ma là vị tổ thứ 28 tại Ấn Độ đã đem hạt giống Thiền tông sang gieo trồng tại Trung Hoa vào khoảng năm 520. Ngài là người đặt nền móng cho Thiền tông tại Trung Hoa nên được coi là Sơ Tổ Thiền tông Trung Hoa. Sau chín năm ở Trung Hoa, Sơ Tổ truyền y bát cho tổ Huệ Khả (487-593) tức vị tổ Thiền tông thứ hai. Kế đến là các Tổ: Tăng Xán, Đạo Tín, Hoàng Nhãn và Huệ Năng. Như vậy, tổ Huệ Năng (638-713) là vị Tổ thứ sáu ở Trung Hoa. **Tổ Huệ Năng** giữ một địa vị rất quan trọng của Thiền tông vì tuy nền móng của Thiền tông do tổ Bồ Đề Đạt Ma đặt ra nhưng sau gần 200 năm, đến thời tổ Huệ Năng mới thực sự phát triển mạnh với một đường lối rõ rệt và vững chắc. Cuộc đời và việc truyền pháp của Tổ được ghi rõ trong kinh "Pháp Bảo Đàn". Cho tới nay, sau hơn một ngàn ba trăm năm, tuy Thiền tông có chia thành nhiều hệ phái nhưng căn bản do Lục tổ đặt ra vẫn là nòng cốt chỉ đạo.

Sau thời Ngũ tổ Hoàng Nhãn có hai phái thiền ở Trung Hoa: Bắc tông Thần Tú (Tiệm tu) và Nam tông Huệ Năng (Đốn ngộ). Bắc tông lưu hành ở miền Bắc, sau không chia phái. Nam tông lưu hành ở miền Nam, chia năm nhà (Ngũ gia), bảy nhà khác nhau. Năm nhà gồm: 1) Tông Quy Ngưỡng; 2) Tông Lâm Tế; 3) Tông Tào Động; 4) Tông Vân Môn; 5) Tông Pháp Nhãn. Bảy nhà gồm năm nhà trên cộng thêm hai phái Hoàng Long và Dương Kỳ.

Tác giả: **Nguyễn Đại Đồng**